

PHỤ LỤC III

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh An Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương					Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh					Chênh lệch		Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:				Tăng (+)	Giảm (-)		
						Trong đó: NST	Nguồn vốn khác		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	TỔNG CỘNG							2.114.444	180.940	367.789	1.203.038	362.677	1.413.776	180.940	367.789	512.370	352.677	335.991	-1.036.659		
A	DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG							-	-	-	-	-	166.097	-	16.134	149.963	-	166.097	-		
I	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP				402	402	-	-	-	-	-	-	402	-	402	-	-				
a	Dự án chuẩn bị đầu tư				402	402	-	-	-	-	-	-	402	-	402	-	-				
1	Trang bị bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho các trường học trên địa bàn tỉnh An Giang	Tỉnh An Giang	2026 – 2028	số 421/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	177	177		-					177		177			177		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
2	Trường THPT Quốc Thái	Tỉnh An Giang	2026 – 2028	số 1009/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh An Giang	225	225		-					225		225			225		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH				195.607	195.607	-	-	-	-	-	-	60.000	-	-	60.000	-				
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				195.607	195.607	-	-	-	-	-	-	60.000	-	-	60.000	-				
1	Dự án đầu tư Hệ thống chụp mạch máu xóa nền (DSA) cho các bệnh viện tuyến tỉnh	Tỉnh An Giang	2025-2026	Số 632/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	89.715	89.715		-					27.000			27.000		27.000		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
2	Đầu tư Hệ thống chụp cắt lớp vi tính ≥ 512 lát cắt (CT Scanner ≥ 256 lát cắt/vòng quay) cho Bệnh viện đa khoa An Giang	Tỉnh An Giang	2025-2026	Số 627/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	53.025	53.025		-					16.000			16.000		16.000		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
3	Dự án đầu tư thiết bị y tế cho Trung tâm y tế Châu Phú	Tỉnh An Giang	2025-2026	Số 625/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	5.260	5.260		-					2.000			2.000		2.000		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
4	Dự án đầu tư hệ thống máy chạy thận nhân tạo cho các cơ sở y tế	Tỉnh An Giang	2025-2026	Số 626/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	34.862	34.862		-					11.000			11.000		11.000		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
5	Đầu tư thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa Y được cổ truyền - Phục hồi chức năng An Giang	Tỉnh An Giang	2025-2026	Số 635/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	12.745	12.745		-					4.000			4.000		4.000		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
III	VĂN HÓA, THÔNG TIN				44.020	44.020	-	-	-	-	-	-	44.020	-	-	44.020	-				
	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				44.020	44.020	-	-	-	-	-	-	44.020	-	-	44.020	-				
1	Dự án Xây dựng hệ thống mái che bảo tồn các hồ khảo cổ tại khu di tích Ốc Eo - Ba Thê	xã Ốc Eo, tỉnh An Giang	2025-2027	Số 442/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh An Giang	44.020	44.020		-					44.020			44.020		44.020		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
IV	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN				101.721	101.721	-	-	-	-	-	-	46.000	-	5.000	41.000	-				
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				101.721	101.721	-	-	-	-	-	-	46.000	-	5.000	41.000	-				
1	Dự án Xứ lý sạt lở bờ rạch Ông Chương trên Tỉnh lộ 946 thuộc ấp Long Định, xã Long Kiến, tỉnh An Giang	Xã Long Kiến, tỉnh An Giang	2025-2026	số 440/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh An Giang	23.221	23.221		-					22.500			22.500		22.500		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
2	Dự án Xứ lý sạt lở bờ rạch Ông Chương trên Tỉnh lộ 946 thuộc ấp Long Quới II, xã Long Điền B, tỉnh An Giang (nay là xã Long Điền, tỉnh An Giang)	Xã Long Kiến, tỉnh An Giang	2025-2026	số 441/QĐ-UBND ngày 05/08/2025 của UBND tỉnh An Giang	18.500	18.500		-					18.500			18.500		18.500		Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
2	Dự án trung tâm điều hành hệ thống cấp nước nông thôn	Tỉnh An Giang	2025-2027	số 323/QĐ-UBND ngày 12/05/2025;số 973/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh	60.000	60.000		-					5.000		5.000			5.000		Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	
V	Cấp huyện phân bổ chi tiết (đầu tư tập trung và thu tiền sử dụng đất)				119.207	19.207	100.000	-	-	-	-	-	15.675	-	10.732	4.943	-				
1	Thành phố Rạch Giá (trước sắp xếp)				119.207	19.207	100.000	-	-	-	-	-	4.943	-	-	4.943	-				
	Kê xứ lý sạt lở cấp bách bờ tây kênh Ông Hiền (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá).	Phường Rạch Giá	2023-2025	2035; 17/8/2022	119.207	19.207	100.000	-					4.943			4.943		4.943		UBND phường Rạch Giá	
2	Huyện Hòn Đất (trước sắp xếp)							-	-	-	-	-	10.732	-	10.732	-	-				
	Đường kênh 200 (ranh TT Hòn Đất-kênh Vàm Răng)	Hòn Đất	2024-2025	5809-31/10/2023	6.630	6.630		-					3.177		3.177			3.177		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương					Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh					Chênh lệch		Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:							
						Trong đó: NST	Nguồn vốn khác		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Đường bờ tây kênh Tà Lúa (QL80 - rạch Giáo Phố)	Hòn Đất	2024-2025	5807-31/10/2023	5.908	5.908		-					899		899			899		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Đường chợ Hòn Sóc (tỉnh lộ 969 - nhà Danh Rôm)	Hòn Đất	2024-2025	5816-31/10/2023	399	399		-					34		34			34		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Đường bờ đông kênh Zê rô (kênh Quảng Thống-ranh xã Mỹ Phước)	Hòn Đất	2024-2025	5812-31/10/2023	4.896	4.896		-					604		604			604		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Đường bờ tây kênh Ba Thê (kênh RGHT-ranh xã Mỹ Hiệp Sơn)	Hòn Đất	2024-2025	5813-31/10/2023	9.704	9.704		-					2.411		2.411			2.411		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Cầu kênh 200 (Đường bờ đông kênh Tà Hem)	Hòn Đất	2024-2025	5818-31/10/2023	2.840	2.840		-					235		235			235		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Đường kênh Sóc (kênh Tà Lúa - ranh xã Sơn Kiên)	Hòn Đất	2024-2025	3341-27/6/2024	2.209	2.209		-					310		310			310		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Cầu kênh Sóc (Đường bờ tây kênh Tà Lúa)	Hòn Đất	2024-2025	3834-13/8/2024	2.080	2.080		-					450		450			450		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Đường kênh 2 xã Mỹ Thuận - xã Mỹ Phước (mở rộng đoạn xã Mỹ Phước, làm mới đoạn xã Mỹ Thuận)	Hòn Đất	2024-2025	3865-14/8/2024	5.851	5.851		-					593		593			593		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Đường bờ tây kênh Tri Tôn (Từ kênh RGHT-kênh 10 xã Nam Thái Sơn)	Hòn Đất	2024-2025	3339-27/6/2024	14.500	14.500		-					2.000		2.000			2.000		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Đường bến xe cũ (QL80-đầu nối đường nội ô trung tâm thương mại thị trấn Hòn Đất)	Hòn Đất	2024-2025	3896-19/8/2024	911	911		-					19		19			19		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
B	DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH				10.339.260	7.369.564	296.496	2.114.444	180.940	367.789	1.203.038	362.677	1.247.679	180.940	351.655	362.407	352.677	169.894	-1.036.659		
I	VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH QUẢN LÝ							415.206			415.206		-						-415.206	Vốn sử dụng đất tỉnh quản lý	
II	Cấp huyện phân bổ chi tiết (đầu tư tập trung và thu tiền sử dụng đất)				2.079.359	1.782.413	296.496	507.327	15.886	7.104	484.337	-	179.552	26.117	17.058	136.377	-				
1	Thành phố Rạch Giá (trước sắp xếp)				955.878	658.932	296.496	145.644	3.497	-	142.147	-	74.066	3.007	-	71.059	-				
-	Đường Võ Trường Toản (đoạn từ Tú Xương đến cổng Số 1)	Phường Rạch Giá	2023-2025	399; 15/5/2023	26.044	26.044		1.386	1.386				1.067	1.067					-319	UBND phường Rạch Giá	
-	Công viên ven Kè Kênh Nhánh (đoạn từ đường Nguyễn Trung Trực đến đường 3 tháng 2) - Giai đoạn 2	Phường Rạch Giá	2024-2025	393; 24/5/2024	7.200	7.200		1.416	1.416				1.300	1.300					-116	UBND phường Rạch Giá	
-	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	Phường Rạch Giá	2022-2025	1110; 16/11/2022	14.800	14.800		695	695				640	640					-55	UBND phường Rạch Giá	
-	Lắp đặt chốt đèn giao thông TPRG (giai đoạn 2)	Phường Rạch Giá	2024-2025	1210; 04/12/2023	2.500	2.500		501			501		486			486			-15	UBND phường Rạch Giá	
-	Đường Sư Vạn Hạnh	Phường Rạch Giá	2024-2025	1209; 04/12/2023	6.200	6.200		3.682			3.682		3.596			3.596			-86	UBND phường Rạch Giá	
-	Công viên C22 đường Lê Văn Hưu	Phường Rạch Giá	2020-2025	1423; 30/10/2019	5.064	5.064		3.539			3.539		3.492			3.492			-47	UBND phường Rạch Giá	
-	Trường tiểu học Nguyễn Thái Bình	Phường Rạch Giá	2024-2025	1204; 04/12/2023	6.000	6.000		3.302			3.302		3.339			3.339		37		UBND phường Rạch Giá	
-	Trường THCS Chu Văn An	Phường Rạch Giá	2022-2025	2017; 16/12/2022	11.000	11.000		2.190			2.190		2.173			2.173			-17	UBND phường Rạch Giá	
-	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Phường Rạch Giá	2024-2025	1203; 04/12/2023	4.000	4.000		1.900			1.900		2.136			2.136		236		UBND phường Rạch Giá	
-	Đầu tư XD công trình tuyến đường đê biển đoạn qua TPRG, tỉnh KG.	Phường Rạch Giá		1095; 14/05/2019	428.111	131.165	296.496	10.000			10.000		-						-10.000	UBND phường Rạch Giá	
-	Hệ thống cấp điện ngầm và lát vỉa hè Tuyến đường đê biển (đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến cổng số 1)	Phường Rạch Giá	2022-2024	325; 18/5/2022	40.000	40.000		1.000			1.000		-						-1.000	UBND phường Rạch Giá	
-	Đường Tú Xương (từ đường Võ Trường Toản đến Đê biển)	Phường Rạch Giá		1340;29/12/2023	14.999	14.999		10.000			10.000		-						-10.000	UBND phường Rạch Giá	
-	Đường Trần Mai Ninh (từ đường Võ Trường Toản đến Đê biển)	Phường Rạch Giá		1339;29/12/2023	14.945	14.945		10.000			10.000		-						-10.000	UBND phường Rạch Giá	
-	Hệ thống cấp điện ngầm và lát vỉa hè Tuyến đường đê biển (đoạn từ cổng số 1 đến đường Nguyễn Thái Bình)	Phường Rạch Giá		1341;29/12/2023	40.000	40.000		10.000			10.000		-						-10.000	UBND phường Rạch Giá	
-	Đường Đồng Hồ (đoạn từ đường Lê Thị Hồng Gấm đến đường Phạm Ngọc Thạch)	Phường Rạch Giá	2023-2025	1216; 05/12/23	14.306	14.306		4.000			4.000		-						-4.000	UBND phường Rạch Giá	
-	Nâng cấp hẻm trên địa bàn thành phố	Phường Rạch Giá			4.000	4.000		4.000			4.000		2.000			2.000			-2.000	UBND phường Rạch Giá	
-	Công viên F21, đường Lê Chân, phường Vĩnh Lạc	Phường Rạch Giá	1109	30-10-18	1.709	1.709		55			55		37			37			-18	UBND phường Rạch Giá	
-	Khu tái định cư Nam An Hoà (giai đoạn 3)	Phường Rạch Giá	2025-2028	11; 26/02/2025	315.000	315.000		14.978			14.978		1.000			1.000			-13.978	UBND phường Rạch Giá	
-	Khu tái định cư khu phố Vĩnh Viễn	Phường Rạch Giá		31; 20/11/2024				1.500			1.500		-						-1.500	UBND phường Rạch Giá	
-	Khu tái định cư khu phố Phi Kinh	Phường Rạch Giá	2025-2028	30; 20/11/2024	557.000	557.000		1.500			1.500		-						-1.500	UBND phường Rạch Giá	
-	Bồi thường chi phí đầu tư HTKT 64 nền TĐC tại chỗ thuộc dự án KDC Nam An Hoà, phường An Hoà	Phường Rạch Giá		53; 2/07/2024	66.591	66.591		30.000			30.000		25.800			25.800			-4.200	UBND phường Rạch Giá	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương					Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh					Chênh lệch		Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:							
						Trong đó: NST	Nguồn vốn khác		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
-	Bồi thường chi phí Ha tăng kỹ thuật khu tái định cư lấn biển Tây Bắc, P.Vĩnh Quang	Phường Rạch Giá		945; 24/12/2021	183.614	183.614		30.000			30.000		27.000			27.000			-3.000	UBND phường Rạch Giá	
2	Thành phố Hà Tiên (trước sắp xếp)				1.123.481	1.123.481	-	350.105	4.846	4.504	340.755	-	100.119	19.668	15.133	65.318	-				
*	PHƯỜNG HÀ TIÊN							-					-								
	Đầu tư hệ thống camera giám sát đầm Đồng Hồ	phường Hà Tiên						300			300		-						-300	UBND phường Hà Tiên	
	Đường số 1 - phường Pháo Đài	phường Hà Tiên			15.000	15.000		100			100		-						-100	UBND phường Hà Tiên	
*	Đường Nhánh 2	phường Hà Tiên			8.000	8.000		100			100		-						-100	UBND phường Hà Tiên	
	CSHT vịnh Mũi Nai (kê đá + SLMB).	phường Hà Tiên		1544a 14/10/2019	14.992	14.992		560			560		556			556			-4	UBND phường Hà Tiên	
	Mở rộng bãi tắm vịnh Mũi Nai	phường Hà Tiên		7853, 30/12/2022	15.000	15.000		2.417			2.417		2.295			2.295			-122	UBND phường Hà Tiên	
	Đường Chi Lăng	phường Hà Tiên		1672 28/10/2019	13.000	13.000		10.600			10.600		10.500			10.500			-100	UBND phường Hà Tiên	
	Đường Mạc Cửu	phường Hà Tiên		2166 12/12/2019	13.000	13.000		9.600			9.600		9.500			9.500			-100	UBND phường Hà Tiên	
	Hệ thống camera giám sát an ninh qua mạng	phường Hà Tiên		943a 30/7/2019	15.000	15.000		5.780			5.780		-						-5.780	UBND phường Hà Tiên	
	ĐTXDCSHT khu du lịch Mũi Nai và khu du lịch Thạch Động TXHT	phường Hà Tiên		3014 01/12/2022	89.494	89.494		290			290		260			260			-30	UBND phường Hà Tiên	
	Dự án ĐTXD công trình Đường nhánh vào Đồn Biên phòng Hà Tiên (từ chốt gác quốc phòng Mương Đào đến trạm kiểm soát biên phòng Vàm Háng thuộc đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Hà Tiên)	phường Hà Tiên		1073 19/5/2014	30.759	30.759		4.693			4.693		-						-4.693	UBND phường Hà Tiên	
	Trường trung học cơ sở Đồng Hồ. Xây mới 16 phòng học, nhà vệ sinh, hệ thoát thoát nước	phường Hà Tiên		1201a 10/7/2020	12.284	12.284		950			950		-						-950	UBND phường Hà Tiên	
	- Đường Phạm Văn Kỳ - Võ Văn Ý	phường Hà Tiên		701 04/6/2019	13.935	13.935		9.581			9.581		9.457			9.457			-124	UBND phường Hà Tiên	
*	- Đường Lam Sơn - Lâm Văn Quang	phường Hà Tiên		349a 08/4/2019	10.953	10.953		6.960			6.960		6.910			6.910			-50	UBND phường Hà Tiên	
	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Nguyễn Phúc Chu (Quốc lộ 80) đoạn từ Km206 + 980 đến Km211 + 218,9)	phường Hà Tiên		891 30/6/2023	315.000	315.000		31.375			31.375		-						-31.375	UBND phường Hà Tiên	
*	Đường Tỉnh lộ 28 (đoạn từ cầu Ao Sen đến đường Võ Văn Ý)	phường Hà Tiên		1669 28/10/2019	14.000	14.000		5.000			5.000		2.000			2.000			-3.000	UBND phường Hà Tiên	
	Trường mầm non Pháo Đài (XL + TB)	phường Hà Tiên		1326 24/8/2023	19.000	19.000		10.670			10.670		634			634			-10.036	UBND phường Hà Tiên	
	Trường THCS Bình San giai đoạn 2	phường Hà Tiên		3688 22/8/2024	13.650	13.650		7.000			7.000		-						-7.000	UBND phường Hà Tiên	
	Đường cấp kênh Rạch U	phường Hà Tiên		1666 28/10/2019	15.000	15.000		14.550			14.550		-						-14.550	UBND phường Hà Tiên	
	Đường Bãi Nò (GD3)	phường Hà Tiên		704 22/4/2020	15.000	15.000		13.900			13.900		-						-13.900	UBND phường Hà Tiên	
	Đường số 1 - Phường Pháo Đài	phường Hà Tiên						14.000			14.000		-						-14.000	UBND phường Hà Tiên	
	Kê chống sạt lở Bãi Bàng (giai đoạn 2)	phường Hà Tiên		615a 06/4/2020	15.000	15.000		14.400			14.400		-						-14.400	UBND phường Hà Tiên	
	Ngầm hóa hệ thống kỹ thuật điện đường Nguyễn Phúc Chu (Quốc lộ 80) đoạn từ Km 206+980 đến Km 211+218,9	phường Hà Tiên		962a 15/6/2020	80.000	80.000		65.200			65.200		-						-65.200	UBND phường Hà Tiên	
*	Đường Tà Lu	phường Hà Tiên			10.000	10.000		4.520			4.520		-						-4.520	UBND phường Hà Tiên	
	Tổ 6 khu phố 1 - phường Tô Châu (Bồi hoàn)	phường Hà Tiên		2945 31/12/2020	23.793	23.793		7.772			7.772		7.200			7.200			-572	UBND phường Hà Tiên	
	Di dời các hộ dân ven biển xã Tiên Hải	phường Hà Tiên		1219 17/7/2020	19.979	19.979		861			861		-						-861	UBND phường Hà Tiên	
	Đường cấp Kênh Đồn Tà (bồi hoàn)- Đường P.Pháo Đài	phường Hà Tiên		68 15/01/2020	20.152	20.152		9.324			9.324		-						-9.324	UBND phường Hà Tiên	
	Khu DC và TĐC Rạch U (bồi hoàn)	phường Hà Tiên		1997 15/12/2014	6.750	6.750		1.800			1.800		601			601			-1.199	UBND phường Hà Tiên	
	Phương án no trợ cấp ưu đãi tư v e qat ar, vật kiến trúc và hoa màu cho các hộ dân theo Thông báo số 1353-TB/TU ngày 05/5/2015 của Thị Ủy Hà Tiên	phường Hà Tiên		394 04/4/2018	770	770		770			770		-						-770	UBND phường Hà Tiên	
	Khu chăn nuôi tập chung	phường Hà Tiên		1088 30/6/2014	1.440	1.440		690			690		-						-690	UBND phường Hà Tiên	
	Mở rộng bãi biển Thuận Yên (giai đoạn 3)	phường Hà Tiên		2637a; 27/11/2020	13.110	13.110		820			820		780			780			-40	UBND phường Hà Tiên	
	Mở rộng bãi biển Thuận Yên (giai đoạn 4)	phường Hà Tiên		3171 14/9/2022	15.000	15.000		4.146			4.146		1.380			1.380			-2.766	UBND phường Hà Tiên	
	Kê mở rộng bãi biển Dinh Bà - xã Tiên Hải	phường Hà Tiên		1352a; 12/9/2019	14.584	14.584		1.302			1.302		-						-1.302	UBND phường Hà Tiên	
	Đường 30/4	phường Hà Tiên		1259a 18/10/2017	10.000	10.000		2.100			2.100		1.750			1.750			-350	UBND phường Hà Tiên	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương					Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh					Chênh lệch		Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:							
						Trong đó: NST	Nguồn vốn khác		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Đường Trần Công Ân	phường Hà Tiên		1256a 18/10/2017	2.000	2.000		656			656		195			195			-461	UBND phường Hà Tiên	
	Đường nhánh 1 (nối QL80 với đường trục chính ven biển vào thành phố)	phường Hà Tiên		2132a 15/10/2020	15.000	15.000		1.180			1.180		430			430			-750	UBND phường Hà Tiên	
	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Quốc lộ 80 (đoạn từ Núi Nhọn đến QL N1)	phường Hà Tiên		1846 11/11/2019	15.000	15.000		2.001			2.001		1.420			1.420			-581	UBND phường Hà Tiên	
	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 80 (từ km203+055 - km204+455) giai đoạn 2	phường Hà Tiên		1767 31/10/2019	15.000	15.000		550			550		540			540			-10	UBND phường Hà Tiên	
	Kè đá bãi bắc đảo Hòn Tre	phường Hà Tiên		323 15/3/2023	10.000	10.000		4.340			4.340		4.200			4.200			-140	UBND phường Hà Tiên	
	Hệ thống cấp nước xã, phường năm 2020 (giai đoạn 2)	phường Hà Tiên		1688b 28/10/2019	1.165	1.165		550			550		-						-550	UBND phường Hà Tiên	
*	PHƯỜNG TÔ CHÂU							-					-								
-	Trung tâm hành chính xã Tiên Hải	phường Tô Châu		732 23/5/2023	28.500	28.500		4.846	4.846				19.668	19.668				14.822		UBND phường Tô Châu	
-	Trường Tiểu học Thuận Yên	phường Tô Châu		2611 12/12/2023	23.000	23.000		4.204		4.204			14.283		14.283			10.079		UBND phường Tô Châu	
-	Trường Mầm non Thuận Yên	phường Tô Châu		2610 12/12/2023	22.000	22.000		300		300			850		850			550		UBND phường Tô Châu	
*	Hẻm tổ 2 khu phố III phường Tô Châu	phường Tô Châu		111a 04/12/2018	400	400		190			190		210			210		20		UBND phường Tô Châu	
	Đường vào cụm công nghiệp Hà Giang (Đường Xoa Ao (đường GTNT vào khu công nghiệp Hà Giang))	phường Tô Châu		1746 30/10/2014				300			300		-					-300		UBND phường Tô Châu	
	Hệ thống xử lý nước thải xã đảo Tiên Hải	phường Tô Châu		2483a 6/11/2020	14.999	14.999		4.713			4.713		4.500			4.500			-213	UBND phường Tô Châu	
	Công viên lô 4B phường Tô Châu	phường Tô Châu		1780a 31/10/2019	34.000	34.000		32.500			32.500		-						-32.500	UBND phường Tô Châu	
*	Công viên lô 4B phường Tô Châu	phường Tô Châu		1948 30/9/2020	34.386	34.386		29.480			29.480		-						-29.480	UBND phường Tô Châu	
	Công viên lô 4B phường Tô Châu	phường Tô Châu		1948 30/9/2020	34.386	34.386		2.164			2.164		-						-2.164	UBND phường Tô Châu	
3	Huyện Kiên Lương (trước sắp xếp)							10.643	7.543	2.600	500	-	5.367	3.442	1.925	-	-				
	Đường Núi Nai (từ KDC Hoà Lập đến giáp đường Bê tông Núi Nai)	Kiên Lương	23-25	1229 07/6/23	2.338	2.338		88	88				-						-88	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Đường tổ 8 ấp Tà Săng	Kiên Lương	24-26	2865, 29/8/24	2.500	2.500		1.020	1.020				440	440					-580	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Tuyến ống cấp nước sinh hoạt đường Tám Thước	Kiên Lương	24-26	2191, 15/7/24	9.842	9.842		1.000	1.000				674	674					-326	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Trường Tiểu học thị trấn Kiên Lương 3 (GD2)	Kiên Lương	24-26	1472 27/3/24	14.885	14.885		1.679	1.679				179	179					-1.500	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - GDTX huyện	Kiên Lương	24-26	2817, 27/8/24	7.600	7.600		2.600	2.600				1.233	1.233					-1.367	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Trường Mầm non Bình An - Diêm Ba Núi	Kiên Lương	24-26	2739 16/8/24	3.347	3.347		490	490				350	350					-140	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Trường Tiểu học Bình An - Diêm Hòn Trẹm	Kiên Lương	24-26	2795 23/8/24	2.166	2.166		666	666				566	566					-100	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Sửa chữa phòng học xuống cấp 2023-2025	Kiên Lương	23-25	1676 24/7/23	8.430	8.430		180		180			105		105				-75	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Trường Mầm non thị trấn Kiên Lương - Diêm chính (GD 2)	Kiên Lương	24-26	5670 24/12/24	5.469	5.469		2.420		2.420			1.820		1.820				-600	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
	Đường tổ 38, khu phố Cư Xá (cấp sân bóng Nam Anh)	Kiên Lương	24-26	2794 23/8/24	1.046	1.046		500			500		-						-500	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
5	Huyện Tân Hiệp (trước sắp xếp)							935	-	-	935	-	-	-	-	-	-				
-	NV Thu sử dụng đất (Dự án chưa phân bổ)	Tỉnh An Giang						935			935		-						-935	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
III	AN NINH VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI				55.000	55.000	-	55.000	55.000	-	-	-	49.500	49.500	-	-	-				
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				55.000	55.000	-	55.000	55.000	-	-	-	49.500	49.500	-	-	-				
1	dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khuôn viên trụ sở làm việc Công an tỉnh Kiên Giang	Phường Rạch Giá	2025-2026	Số 202/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh	55.000	55.000		55.000	55.000				49.500	49.500					-5.500	Công an tỉnh An Giang	
IV	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP				253.998	249.998	-	88.971	6.037	82.934	-	-	82.063	5.437	76.626	-	-				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương					Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh					Chênh lệch		Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:							
						Trong đó: NST	Nguồn vốn khác		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				198.526	194.526	-	79.534	-	79.534	-	-	73.826	-	73.826	-	-				
3	Nâng cấp, mở rộng trường Trung cấp nghề Châu Đốc	CĐ	2022-2025	2318/QĐ-UBND 01/8/2017; 2163/QĐ-UBND 10/9/2019; 3084/QĐ-UB 27/12/2021; 607/QĐ-UBND ngày 11/4/2024; QĐ 886/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	74.150	70.150		37.635		37.635			36.735		36.735				-900	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
4	Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Thanh Mỹ Tây	CP	2023-2025	289/QĐ-SXD 22/7/2024	3.903	3.903		2.903	-	2.903			2.522	-	2.522				-381	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
5	Dự án Bổ sung trang thiết bị của Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	LX	2023-2025	832/QĐ-UBND 22/5/2024	8.177	8.177		7.500		7.500			6.759		6.759				-741	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
6	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Kiên Giang	Phường Rạch Giá	2023-2025	Số 2541/QĐ-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh	16.853	16.853		7.653		7.653			7.053		7.053				-600	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
7	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Hùng Hiệp, huyện Hòn Đất	Hòn Đất	2023-2025	Số 3448/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh	18.666	18.666		10.366		10.366			9.716		9.716				-650	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
8	Dự án Cải tạo, sửa chữa Ký túc xá sinh viên Kiên Giang tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	2024-2026	Quyết định số: 2993/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	12.977	12.977		12.977		12.977			8.777		8.777				-4.200	Sở Giáo dục và Đào tạo	
9	Dự án cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm trang thiết bị trường Trung học phổ thông Nguyễn Trung Trực, thành phố Rạch Giá	Phường Rạch Giá	2025-2026	Số 2022/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang	63.800	63.800		500		500			2.264		2.264			1.764		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
b	Các Trường Cao đẳng				55.472	55.472	-	9.437	6.037	3.400	-	-	8.237	5.437	2.800	-	-				
b.1	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				55.472	55.472		9.437	6.037	3.400			8.237	5.437	2.800						
1	Cải tạo, sửa chữa công trình Trường Chính trị tỉnh Kiên Giang	Phường Rạch Giá	2024-2026	Số 386/QĐ-UBND ngày 15/02/2025 của UBND tỉnh	6.037	6.037		6.037	6.037				5.437	5.437					-600	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
2	Xây dựng, sửa chữa Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang	Phường Rạch Giá	2021-2024	số 2264/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh;	49.435	49.435		3.400		3.400			2.800		2.800				-600	Trường Cao đẳng Nghề	
VI	VĂN HÓA, THÔNG TIN				91.532	91.532	-	5.732	1.500	4.232	-	-	3.899	-	3.899	-	-				
	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				91.532	91.532	-	5.732	1.500	4.232	-	-	3.899	-	3.899	-	-				
1	Sửa chữa Nhà thiếu nhi tỉnh An Giang	LX	2024-2025	56/QĐ-SXD 29/01/2024	7.732	7.732		4.232		4.232			3.899		3.899				-333	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
3	Đầu tư hệ thống nội thất và thiết bị trưng bày công trình Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	Phường Rạch Giá	2022-2025	Số 2762/QĐ-UBND ngày 07/11/2023 của UBND tỉnh	83.800	83.800		1.500	1.500				-						-1.500	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
VII	PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH				13.500	13.500	-	10.450	10.450	-	-	-	9.050	9.050	-	-	-				
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				13.500	13.500	-	10.450	10.450	-	-	-	9.050	9.050	-	-	-				
1	Dự án Đầu tư nâng cấp, cải tạo công trình tại Trung tâm phát sóng Hòn Me của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	Hòn Đất	2024-2025	Số 2804/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của UBND tỉnh	13.500	13.500		10.450	10.450				9.050	9.050					-1.400	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
VIII	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIÊM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN				1.446.448	477.698	-	169.706	971	-	168.735	-	-	-	-	-	-				
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				1.446.448	477.698	-	169.706	971	-	168.735	-	-	-	-	-	-				
1	Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang thuộc dự án SFDP.	Tỉnh An Giang	2023-2026	Số 2169/QĐ-UBND ngày 29/7/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang	623.725	164.000		28.643			28.643		-						-28.643	Ban Quản lý dự án ĐT XD các công trình nông nghiệp và PTNT	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương					Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh					Chênh lệch		Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:							
						Trong đó: NST	Nguồn vốn khác		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
2	Dự án đầu tư xây dựng 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang	An Biên, An Minh, Châu Thành, Kiên Lương.	2019-2025	số 2516/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019; số 2281/QĐ-UBND, 13/9/2022; số 2660/QĐ-UBND, 27/10/2022, 3325/QĐ-UBND ngày 21/12/2023; số 1869/QĐ-UBND ngày 24/6/2024; số 1525/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 của UBND tỉnh;	822.723	313.698		141.063	971		140.092		-						-141.063	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT	
IX	GIAO THÔNG				758.966	758.966	-	300.061	76.628	223.433	-	-	260.244	45.403	214.841	-	-				
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				755.476	755.476	-	299.561	76.128	223.433	-	-	259.244	44.403	214.841	-	-				
1	Nâng cấp đường tỉnh 949	TB-TT	2021-2025	1103/QĐ-UBND 26/5/2021; 313/QĐ-UBND 11/3/2025	743.198	743.198	-	291.828	68.395	223.433			258.930	44.089	214.841				-32.898	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
2	Đường số 8 và số 15 thuộc Khu quy hoạch Bắc Hà Hoàng Hồ	LX	2022-2025	348/QĐ-SXD 05/8/2021; 341/QĐ-SXD 05/9/2022; 16/QĐ-SXD 10/01/2024; 45/QĐ-SXD 20/01/2025	12.278	12.278		7.733	7.733				314	314					-7.419	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
b	Thực hiện chuẩn bị đầu tư các công trình giao thông				3.490	3.490	-	500	500	-	-	-	1.000	1.000	-	-	-				
1	- Đầu tư xây dựng công trình đường kênh Vành Đai Rạch Giá	Phường Rạch Giá		Số 1086/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND thành phố Rạch Giá	3.490	3.490		500	500				1.000	1.000				500		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
X	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG				719	719	-	719	719	-	-	-	300	300	-	-	-				
a	Chuẩn bị đầu tư (Dự án hoàn thành sau giai đoạn 2021 - 2025)				719	719	-	719	719	-	-	-	300	300	-	-	-				
1	Đầu tư mới hạ tầng kỹ thuật Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Khu xử lý rác thải Phú Thạnh, Phú Tân (200 tấn/ngày)	PT	2025-2027		719	719		719	719				300	300					-419	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
XI	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐVSNC, TCCT VÀ CÁC TỔ CHỨC CT-XH				18.738	18.738	-	14.738	13.749	989	-	-	24.972	12.168	12.804	-	-				
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				18.738	18.738	-	14.738	13.749	989	-	-	24.972	12.168	12.804	-	-				
1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang	LX	2024-2026	149/QĐ-SXD 08/4/2024	9.916	9.916		5.916	5.916				4.568	4.568					-1.348	Ban Quản lý dự án tỉnh An Giang	
2	dự án Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc và các hạng mục phụ Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang	Phường Rạch Giá	2024-2025	Số 588/QĐ-UBND ngày 08/3/2025 của UBND tỉnh	7.833	7.833		7.833	7.833				7.600	7.600					-233	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
3	dự án ĐTXD Kỹ túc xá sinh viên	Châu Thành		Số 94/QĐ-QBL ngày 07/3/2025 của BQLDA	989	989		989		989			12.804		12.804			11.815		Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
XII	XÃ HỘI				-	-	-	401	-	-	401	-	-	-	-	-	-				
a	Đổi ứng thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				-	-	-	401	-	-	401	-	-	-	-	-	-				
1.1	Sở Nông nghiệp và Môi trường							401			401		-						-401	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
XIII	Lĩnh vực Lao động Thương binh và Xã hội				40.000	40.000	-	38.970	-	-	38.970	-	23.970	-	-	23.970	-				
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				40.000	40.000	-	38.970	-	-	38.970	-	23.970	-	-	23.970	-				
1	Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang, hạng mục: Xây dựng mới nhà ở học viên; nhà công vụ; phá dỡ công trình cũ; nâng cấp, cải tạo các hạng mục phụ trợ	Hòn Đất	2024-2026	Số 3449/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh	40.000	40.000		38.970			38.970		23.970			23.970			-15.000	Công an tỉnh	
XIV	Công trình trọng điểm, có tính chất liên kết vùng, thúc đẩy phát triển Kinh tế - Xã hội; công trình 2016-2020 chuyển tiếp sang 2021-2025 tỉnh hỗ trợ huyện đầu tư.				811.000	811.000	-	121.496	-	28.107	93.389	-	158.391	-	17.375	141.016	-				
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				811.000	811.000	-	121.496	-	28.107	93.389	-	158.391	-	17.375	141.016	-				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương					Kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương sau điều chỉnh					Chênh lệch		Cơ quan/đơn vị quản lý vốn	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:							
						Trong đó: NST	Nguồn vốn khác		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh		Đầu tư tập trung	Xổ số kiến thiết	Vốn thu tiền sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách tỉnh	Tăng (+)	Giảm (-)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Đường 286 (Quốc lộ 80 - đê biển)	Hòn Đất	2022-2025	số 5584/QĐ-UBND, 18/11/2022 của UBND huyện Hòn Đất;	84.000	84.000		28.107		28.107			17.375		17.375				-10.732	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	
2	Dự án Đền tưởng niệm người có công trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Phường Rạch Giá	2023-2025	Số 15/NQ-HĐND, 11/12/2023; số 01/NQ-HĐND, 15/01/2024; số 05/NQ-HĐND, 16/5/2024 của HĐND thành phố Rạch Giá; số 62/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND thành phố Rạch Giá	177.000	177.000		8.081			8.081		5.708			5.708			-2.373	UBND phường Rạch Giá	
3	- Dự án kê chống sạt lở khu dân cư và đường vành đai Nam Đông Hồ, thành phố Hà Tiên	Phường Hà Tiên	2024-2027	Số 1125/QĐ-UBND ngày 24/5/2024 của UBND thành phố Hà Tiên	550.000	550.000		85.308			85.308		135.308			135.308		50.000		UBND phường Tô Châu	
XV	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KHẨN CẤP PHỤC VỤ HỘI NGHỊ APEC 2027				4.770.000	3.070.000	-	385.667	-	20.990	2.000	362.677	455.738	32.965	9.052	61.044	352.677				
a	Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025				4.770.000	3.070.000	-	385.667	-	20.990	2.000	362.677	455.738	32.965	9.052	61.044	352.677				
1	Dự án đầu tư Hồ nước Dương Đông 2	Đặc khu Phú Quốc	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1815/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh	2.950.000	2.160.000		333.667		20.990		312.677	413.738	32.965	9.052	59.044	312.677	80.071		Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT	
2	Dự án Đại lộ APEC	Đặc khu Phú Quốc	2025-2027	Số 948/QĐ-TTg ngày 19/5/2025 của TTCP; số 1773/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của UBND tỉnh	1.820.000	910.000		52.000			2.000	50.000	42.000			2.000	40.000		-10.000	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	